

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN GIANG  
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2023/HS-ST

Ngày: 17/11/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HUNG YÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoan

Bà Hoàng Thị Thắm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Nhật - Thư ký TAND huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 127/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn Q; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1991 tại huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Vũ Văn S, sinh năm 1955; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con bà: Chu Thị K, sinh năm 1962; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con lớn.

Vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con: có 1 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 07/7/2023 thì chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Văn Q1; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1994 tại huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Phạm Văn T1, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con bà: Phạm Thị C, sinh năm 1970; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con lớn.

Vợ: Lò Thị U, sinh năm 1994; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con: có 2 người, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 07/7/2023 thì chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Đức A; Giới tính: Nam.

Sinh năm: 1992 tại huyện L, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Y, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Lê Văn Đ, sinh năm 1971; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con bà: Hoàng Thị C1, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là thứ ba.

Vợ: Lò Thị Đ1, sinh năm 1993; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con: có 2 người, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/7/2023 đến ngày 07/7/2023 thì chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Hoàng Thị C1; Sinh năm: 1972 (có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Vũ Thị T; Sinh năm: 1993 (có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

\* **Người làm chứng:** Anh Lã Minh H; Sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 10 giờ 45 phút ngày 04/7/2023, tại khu B, phân khu B, khu đô thị S, thuộc xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; lực lượng CSĐT Công an huyện V phối hợp với Tổ công tác đảm bảo an ninh trật tự của Công an huyện V tại khu đô thị S và Công an xã N, phát hiện bắt quả tang Vũ Văn Q và Phạm Văn Q1 đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác. Trước khi Q và Q1 bị bắt thì người mua ma túy đã bỏ chạy thoát. Thu tại túi áo khoác bên trái của Q1 01 gói nilon màu trắng, bên ngoài quấn băng dính màu đen, bên trong có 08 đoạn ống hút bằng nhựa màu hồng được hàn kín 2 đầu, bên trong đều chứa chất màu trắng dạng cục và bột. Số vật chứng này được niêm phong trong phong bì kí hiệu Q. Thu giữ của Quảng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen, gắn sim thuê bao số: 0334.691.991.

Tiếp đến, vào hồi 12 giờ 10 phút ngày 04/7/2023, tại căn hộ K đường K, khu đô thị S thuộc xã N; Tổ công tác đảm bảo an ninh trật tự của Công an huyện V phối hợp với Công an xã N, bắt quả tang Lê Đức A đang có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trên người. Thu tại lòng bàn tay phải của Đức A 16 đoạn ống hút bằng nhựa màu hồng được hàn kín 2 đầu, bên trong đều chứa chất màu trắng dạng cục và bột. Số vật chứng này được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1. Ngoài ra, lực lượng Công an còn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen gắn sim thuê bao số 034.631.280. Cùng ngày 04/7/2023, lực lượng Công an đã bàn giao Lê Đức A cùng hồ sơ tài liệu có liên quan và vật chứng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trưng cầu giám định về ma túy đối với vật chứng đã thu giữ được của Q1 và Đức A trong các niêm phong kí hiệu Q và A1. Bản kết luận giám định số 414/KL-KTHS(MT) và số 415/KL-KTHS(MT) ngày 07/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi ký hiệu Q, có tổng khối lượng là 0,268g là ma túy, loại Heroine; chất màu trắng dạng cục và bột trong niêm phong ghi ký hiệu A1 có tổng khối lượng là 0,552g, là ma túy loại Heroine.

Quá trình điều tra xác định: Thông qua một số bạn nghiện (chưa rõ lai lịch cụ thể), Lê Đức A biết Vũ Văn Q sử dụng số điện thoại 0334.691.991 và có bán ma túy, nên khoảng 07 giờ ngày 04/7/2023, Đức A dùng điện thoại của mình nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, gắn sim số 034.631.280, gọi đến số điện thoại 0334.691.991 của Q hỏi mua ma túy loại Heroine với số tiền là 3.000.000đ để sử dụng. Q nói với Đức A không đủ 3.000.000đ ma túy, mà chỉ có 1.500.000đ ma túy, thì Đức A cũng đồng ý mua và Quảng hẹn đến trưa cùng ngày sẽ gọi lại cho

Đức A. Khoảng 10 giờ cùng ngày, Quảng mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave của 01 người có tên là H1 (không rõ lai lịch cụ thể) là công nhân đang làm việc tại công trường của khu đô thị S và nói là đi có việc. Sau đó, Q điều khiển xe đến khu ký túc xá Đ thuộc xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên, rủ Q1 cùng đi mua ma túy để bán, thì Q1 cũng đồng ý. Q chở Q1 đến trước cổng Trường trung học cơ sở xã C, huyện V, mua 1.300.000đ ma túy, loại Heroine của người đàn ông có tên là H2 (cũng không rõ lai lịch cụ thể). Người bán đưa cho Q 01 túi nilon màu trắng, miệng túi được dán bằng băng dính màu đen, bên trong có 26 đoạn ống nhựa (gọi là tép) màu hồng đều chứa ma túy loại Heroine. Q cầm túi ma túy ở lòng bàn tay trái, rồi chở Q1 quay lại khu đô thị S để bán cho Đức A. Trên đường đi Q đưa túi ma túy cho Q1 cầm, rồi dùng điện thoại của mình nhãn hiệu Realme màu đen, gắn sim số 0334.691.991 để gọi điện cho Đức A hẹn gặp ở khu S (kí hiệu SH6) trong khu đô thị S để giao ma túy. Khi đến khu SH6, Q và Q1 nhìn thấy Đức A đi cùng với 1 nam thanh niên (không rõ lai lịch); Q bảo Đức A đứng chờ, rồi chở Q1 đi về khu S (kí hiệu SH9), cách chỗ Đức A đứng chờ khoảng 50m. Quảng đưa vỏ bao thuốc lá Thăng L cho Q1 để chia túi ma túy làm hai phần: một phần 18 tép cho vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long để bán cho Đức A; còn lại 08 tép thì để lại trong túi nilon nói trên, cất vào túi áo của Q1 đang mặc, nếu có ai mua thì sẽ bán tiếp. Khi đến trước cửa căn hộ S, Q dừng xe bảo Q1 mang vỏ bao thuốc lá Thăng Long đựng ma túy để trước cửa căn hộ SH9-01 và lấy cục bê tông đè lên trên, khi nào Đức A đến thì Q1 chỉ cho Đức A tự lấy. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô đi trả cho H1, rồi đi bộ quay trở lại bảo Đức A đến khu SH9 gặp Q1 để lấy ma túy. Đức A đi đến trước C thì được Q1 chỉ cho vị trí cất giấu ma túy và tự lấy. Đức A lật cục bê tông ra, cầm vỏ bao thuốc lá lên kiểm tra thì nhìn thấy lực lượng Công an đang bắt giữ Q nên Đức A cầm gói ma túy bỏ chạy; còn Q1 cũng bị bắt ngay sau đó.

Sau khi bỏ chạy, Đức A đã vứt bỏ vỏ bao thuốc lá Thăng Long dùng để đựng ma túy rồi cầm 18 tép ma túy trốn vào bên trong căn hộ KĐ5-65 đường Kinh đô ánh sáng, khu đô thị S và đã sử dụng hết 2 tép ma túy, còn lại là 16 tép ma túy. Đến khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, thì Đức A bị Tổ công tác đảm bảo an ninh trật tự của Công an huyện V phối hợp với Công an xã N phát hiện, bắt quả tang.

Trước đó, vào ngày 02/7/2023 Q đã mua 01 gói ma túy loại Heroine của H2 (chưa rõ lai lịch) ở khu vực xã C và mang đến khu cánh đồng xã N sử dụng. Cũng trong ngày 02/7/2023, Q1 mua 100.000đ tiền ma túy loại Heroine của người thanh niên (chưa rõ lai lịch) ở khu đô thị Đ thuộc xã N và sử dụng luôn tại chỗ.

Kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen gắn sim số 0346.631.280 thu giữ của Đức A và điện thoại nhãn hiệu Realme màu đen thu giữ của Quảng gắn sim số 0334.691.991, phát hiện có các cuộc gọi đi, gọi đến và tin nhắn giữa Đức A và Q liên hệ với nhau trong ngày 04/7/2023 để mua và bán ma túy.

Tại bản cáo trạng số: 133/CT-VKSVC ngày 23/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị

cáo Lê Đức A về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố bị cáo Lê Đức A phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đức A.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 46; khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/7/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 từ 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/7/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Đức A từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy:

+ 01 phong bì hoàn lại mẫu vật sau giám định kí hiệu Q, bên trong chứa 0,243g ma túy, loại Heroine; 01 mảnh nilon, 01 mảnh băng dính màu đen, các mảnh ống nhựa đựng ma túy và 01 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định; 01 phong bì hoàn lại mẫu vật sau giám định kí hiệu A1 bên trong chứa 0,524g ma túy loại Heroine, các mảnh ống nhựa đựng ma túy, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Realme.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0346.631.280, 01 sim điện thoại số 0334.691.991.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 10 giờ 45 phút ngày 04/7/2023, tại trước cửa khu B, phân khu B, khu đô thị S thuộc xã N, huyện V; Vũ Văn Q và Phạm Văn Q1 đã có hành vi bán 18 tép ma túy loại Heroine cho Lê Đức A để sử dụng; số còn lại là 0,268g ma túy loại Heroine Quảng và Q1 chưa kịp bán cho những người khác thì bị lực lượng CSĐT Công an huyện V phát hiện, bắt quả tang; còn Đức A chạy thoát. Đến khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, tại C2, khu đô thị S; Tổ công tác đảm bảo an ninh trật tự của Công an huyện V và Công an xã N đã bắt quả tang Lê Đức A về hành vi cất giấu trái phép trên người 0,552g ma túy loại Heroine. Số ma túy này được xác định là của Đức A đã mua của Q và Q1 còn lại sau khi đã sử dụng. Tổng trọng lượng ma túy các bị cáo Q, Q1 bán là 0,82g loại Heroine.

Hành vi của các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Với các yếu tố cấu thành tội phạm của các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1 về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Đức A về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự với là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với đối tượng tên H2 đã bán ma túy cho Q, người thanh niên bán ma túy cho Q1 vào ngày 02/7/2023 và người thanh niên đi cùng với Đức A đến gặp Q để mua ma túy, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiếp tục điều tra xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

Còn đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy của Q, Q1 vào ngày 02/7/2023 và của Đức A vào ngày 04/7/2023 thì ngày 28/9/2023, Công an huyện V đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q, Q1, Đức A là đúng quy định.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, làm ảnh hưởng đến các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo còn hủy hoại sức khỏe, trí lực của con người, phá hoại kinh tế, hạnh phúc gia đình, là nguồn gốc phát sinh ra các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây hoang mang lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi sử dụng chất ma túy và mua bán chất ma túy là hành vi pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân và thu lợi bất chính, các bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện tội phạm. Do đó, cần phải xét xử nghiêm minh đối với các bị cáo.

Đánh giá tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX nhận thấy:

Trong vụ án này, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Đức A là độc lập, không phải là đồng phạm với bị cáo Q, Q1, do đó bị cáo Lê Đức A phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1 là đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, không có sự phân công cụ thể. Tuy nhiên, bị cáo Quảng đóng vai trò chính, là người trực tiếp đi mua ma túy để bán cho Lê Đức A; Bị cáo Q1 tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Q, trực tiếp đi để ma túy cho bị cáo Đức A tới lấy. HĐXX sẽ xem xét vai trò, mức độ hành vi của các bị cáo khi lượng hình để áp dụng cho mỗi bị cáo một hình phạt phù hợp mới đủ sức răn đe và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên toà hôm nay không chỉ nhằm mục đích trừng trị, giáo dục giúp các bị cáo sớm cai nghiện, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội mà còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân, từ đó có thái độ tôn trọng pháp luật và phối hợp cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật đấu tranh, phòng chống và loại trừ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo còn là lời cảnh báo, răn đe đối với những người có ý định thực hiện tội phạm về ma túy nói riêng và các loại tội phạm khác nói chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải do đó cả 3 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Đức A có ông ngoại là liệt sĩ nên HĐXX sẽ xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, tính chất, mức độ của hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy:

Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu, biết rõ tác hại của ma túy, biết rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật nhưng không chịu cai nghiện để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, cộng đồng mà coi thường pháp luật cố tình phạm tội nên cần thiết phải áp dụng cho các bị cáo một hình phạt tương xứng đồng thời cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng đôi với từng bị cáo và làm bài học ngăn ngừa tội phạm chung cho mọi người.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng của vụ án là ma túy hoàn mẫu vật gửi giám định bên trong có ma túy là vật cấm lưu hành; các mảnh túi nilon đều là đồ vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo Vũ Văn Q, Lê Đức A là phương tiện để các bị cáo liên lạc với nhau trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy. Do đó sẽ tịch thu, phát mại sung ngân sách Nhà nước.

Các thẻ sim điện thoại thu được kèm theo điện thoại đã thu giữ của các bị cáo mang tên Hoàng Thị C1 và Vũ Thị T, đứng tên thay cho các bị cáo, bà C1 và chị T không đề nghị nhận lại, nay không còn giá trị sử dụng sẽ tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô bị cáo Q sử dụng để đi mua, bán ma túy, do không xác định được người đã cho Q mượn xe, không thu giữ được nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.



*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

### 1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đức A.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 46; khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### 2. Tuyên bố:

Các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo Lê Đức A phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

### 3. Mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/7/2023.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q1 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/7/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Đức A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/7/2023.

**4. Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

### 5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy:

+ 01 phong bì hoàn lại mẫu vật sau giám định kí hiệu Q, bên trong chứa 0,243g ma túy, loại Heroine; các mảnh ống nhựa đựng ma túy, mảnh băng dính, mảnh nilon và 01 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định;

+ 01 phong bì hoàn lại mẫu vật sau giám định kí hiệu A1 bên trong chứa 0,524g ma túy loại Heroine, các mảnh ống nhựa đựng ma túy, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0346.631.280, 01 sim điện thoại số 0334.691.991.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/11/2023 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang)*

**6. Về án phí:** Buộc các bị cáo Vũ Văn Q, Phạm Văn Q1, Lê Đức A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

**7. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh HY;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Văn Giang;
- VKS huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Bình Minh, Bình Giang, Hải Dương
- UBND xã Bình Xuyên, Bình Giang, Hải Dương
- UBND xã Minh Xuân, Lục Yên, Yên Bái
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Trần Hoàng Lâm***